

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG, BỀN VỮNG HAY KHÔNG BỀN VỮNG?

DA NANG'S ECONOMIC GROWTH IS STABLE OR NOT?

NGUYỄN HỒNG CỬ

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Tăng trưởng kinh tế vốn là mục tiêu hàng đầu trong phát triển kinh tế và nó thường gây sự chú ý cho nhiều người về mặt số lượng với những con số có thể được xem là khá ấn tượng. Đà Nẵng kể từ khi trở thành thành phố trực thuộc trung ương đã có những bước phát triển đáng ghi nhận với tốc độ tăng trưởng tương đối cao. Tuy nhiên sự tăng trưởng ấy có thực sự bền vững hay không cần phải xem xét đánh giá cụ thể những vấn đề liên quan đến chất lượng của sự tăng trưởng đó. Bài viết này muốn tiếp cận tăng trưởng kinh tế của thành phố Đà Nẵng chủ yếu về mặt chất lượng hay nói cách khác là sự tăng trưởng kinh tế bền vững. Đây không phải là điều quá mới mẻ nhưng trong thực tế nó rất dễ bị bỏ qua.

ABSTRACT

Economic growth is a premier target for the economic development, which makes people pay attention about the quantity with rather impression digits. Since becoming the city under the Central government, Danang has have worthy development steps with rather high growth rate. However to define such a growth rate is stable or not, we need to evaluate the quality of this growth. This article approaches Da Nang's economic growth about quality, or in the other words, stable economic development. This is not a completely new issue but in practice it tends to be ignored.

Phát triển bền vững là xu thế tất yếu của thời đại mà nhân loại đang hướng tới và đã trở thành vấn đề liên quan đến sự tồn vong của nhân loại. Đà Nẵng từ khi trở thành thành phố trực thuộc trung ương đã được quan tâm đầu tư phát triển thành trung tâm kinh tế - xã hội lớn của miền Trung với vai trò là trung tâm công nghiệp, thương mại du lịch và dịch vụ; là thành phố cảng biển, đầu mối giao thông quan trọng trong nước và quốc tế; trung tâm bưu chính - viễn thông, tài chính - ngân hàng; giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của khu vực miền Trung và cả nước. Trong 10 năm qua Đà Nẵng đã có những bước phát triển nhanh, nằm trong top những địa phương có tốc độ tăng trưởng cao song sự tăng trưởng ấy có mang tính bền vững hay không cần phải có những phân tích đánh giá cụ thể. Phân tích tăng trưởng kinh tế ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua, có thể rút ra mấy nhận xét sau:

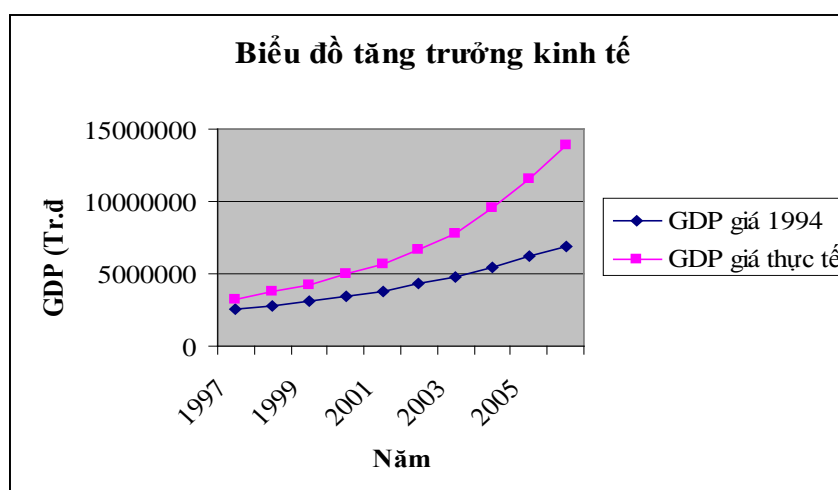
1. Tăng trưởng với tốc độ tương đối cao nhưng chưa thật sự ấn tượng.

Từ khi trở thành thành phố trực thuộc TW năm 1997, Đà Nẵng được ưu tiên tập trung nguồn lực nhằm phát triển kinh tế - xã hội để đóng vai trò là trung tâm kinh tế xã

hội của Miền Trung - Tây Nguyên. Đó là cơ hội thuận lợi cho sự phát triển của Đà Nẵng.

Bảng 1: GDP và mức tăng GDP thời kỳ 1997-2006

Năm	GDP theo giá	GDP theo giá	Mức tăng	Mức tăng	GDP/người (ng.đồng)
	ss 1994 (tr.đ)	thực tế (tr.đ)	GDP thực tế (%)	GDP danh nghĩa (%)	
2002	4282947	6652260	12,56	16,67	8970
2003	4823427	7774633	12,62	16,87	10333
2004	5460211	9565055	13,20	23,03	12511
2005	6218823	11547456	13,89	20,73	15007
2006	6908300	13869063	11,08	20,10	17492



Với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 11,56% trong giai đoạn 1997 đến 2006, chỉ đứng sau Bình Dương và cao hơn mức bình quân của Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là một dấu hiệu tích cực nhưng nếu xét về quy mô thì cần phải thấy rằng quy mô GDP của Đà Nẵng còn nhỏ bé, thấp hơn nhiều so với một số tỉnh, thành khác.

Bảng 2: So sánh tốc độ tăng trưởng GDP thực tế của Đà Nẵng với một số tỉnh, thành phố và cả nước qua các năm.

DVT: %

	2006/1996	Bình quân			
		1997-2000	2001-2006	1997-2005	1997-2006
Cả nước	99,22	6,36	9,25	7,00	7,14
TP. Đà Nẵng	195,19	10,21	12,47	11,70	11,56
TP. HCM	166,53	8,99	13,56	10,10	10,30
TP. Hà Nội	180,54	10,16	13,76	10,79	10,78

TP.Hải Phòng	172,28	9,23	13,78	10,30	10,54
Bình Dương	279,38	14,15	18,54	14,79	14,79

Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng và Việt Nam 1996-2006.

Trong giai đoạn 1997-2000 tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của thành phố Đà Nẵng đạt gần 10,21% (cả nước là 6,36%); Tuy nhiên trong giai đoạn này tăng trưởng không thật sự ổn định. Nếu như trong năm đầu tiên tốc độ tăng trưởng đạt 12,70% nhưng tốc độ tăng trưởng ấy chỉ được duy trì trong nửa năm đầu năm 1997, giữa năm 1997 trở đi do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ trên thế giới và khu vực làm cho GDP trong những năm 1998 - 2000 giảm đi một cách rõ rệt do đầu tư nước ngoài giảm.

Giai đoạn 2001-2005 GDP tiếp tục tăng trở lại, đạt 12,23% năm 2001 và đỉnh cao là 13,89% vào năm 2005. Nhìn chung giai đoạn này tăng trưởng khá ổn định. Năm 2006 do ảnh hưởng trực tiếp hai cơn bão siêu lớn Chan Chu và Xangsane, làm cho GDP giảm xuống còn 10,36%, do vậy tốc độ tăng GDP bình quân giai đoạn 1997-2006 chỉ đạt 11,56% , gấp 1,62 lần (cả nước 7,14). Mặc dù vậy, với lợi thế là trung tâm kinh tế của khu vực và so sánh với những tiềm năng hiện có của Đà Nẵng thì kết quả tăng trưởng này chưa thật sự ấn tượng.

2. Tăng trưởng kinh tế chưa có tác động mạnh tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả hơn

Một trong những tiêu chí để đánh giá chất lượng của tăng trưởng là cơ cấu kinh tế và tác động của tăng trưởng tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Từ 1997 đến nay, cơ cấu ngành của thành phố đã có sự chuyển dịch mạnh theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp-xây dựng và dịch vụ. Sự chuyển dịch này là phù hợp với xu thế chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuy nhiên điều này chỉ là rất bình thường do Đà Nẵng là một đô thị lớn, phát triển theo hướng là trung tâm công nghiệp, dịch vụ của khu vực.

Bảng 3: Cơ cấu GDP theo giá thực tế phân theo ngành kinh tế từ 1997-2006

DVT: %

Năm	Tổng Số	Các ngành kinh tế		
		Nông-Lâm-Ngư nghiệp	Công nghiệp- Xây dựng	Dịch vụ
1997	100	9,70	35,19	55,11
1998	100	8,91	37,52	53,57
1999	100	8,24	38,95	52,81
2000	100	7,86	40,59	51,55
2001	100	7,38	42,05	50,57

2002	100	6,72	43,36	49,92
2003	100	6,40	45,60	48,00
2004	100	5,96	49,07	44,97
2005	100	5,13	50,19	44,68
2006	100	4,17	49,95	45,88

Nguồn: Niên giám thống kê TP Đà Nẵng từ 1997-2006

Nguồn tư liệu trên cho thấy công nghiệp - xây dựng có xu hướng tăng nhanh về tỷ trọng và giữ mức ổn định khoảng 50% trong GDP, trong khi đó tỷ trọng ngành dịch vụ giảm liên tục, khoảng 10% trong vòng 10 năm, tức bình quân mỗi năm giảm khoảng 1%. Tình hình này phản ánh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đà Nẵng đang ở trong thời kỳ xây dựng cơ bản, với mức đầu tư cao cho xây dựng hạ tầng và chưa hình thành một cơ cấu kinh tế ổn định.

Trong cơ cấu ngành công nghiệp, giá trị ngành công nghiệp và xây dựng trên địa bàn thành phố tăng bình quân 18,93% thời kỳ 1997-2000 và 19,04% thời kỳ 2001-2005 và 17,99% thời kỳ 1997-2006. Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế trong thời kỳ 1998-2006 có nhiều thay đổi, nhưng tỷ trọng của khu vực nhà nước vẫn rất cao, công nghiệp ngoài quốc doanh chỉ chiếm hơn 23%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài lại liên tục giảm về tỷ trọng, điều này chứng tỏ cơ cấu công nghiệp đang trong quá trình hình thành và chưa ổn định, khu vực ngoài quốc doanh chưa được khuyến khích phát triển mạnh để tạo ra sự thay đổi có tính đột phá về cơ cấu. Từ 1998 đến 2006 tỷ trọng của khu vực ngoài quốc doanh chỉ nhích thêm được 2%. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tuy tăng cả về số dự án và tổng đầu tư nhưng giảm về tỷ trọng.

Cơ cấu ngành nông nghiệp (nông - lâm - thủy sản) đang có xu hướng chuyển dịch theo hướng phù hợp với thành phố công nghiệp và dịch vụ. Tỷ trọng ngành nông nghiệp đóng góp vào GDP thành phố giảm từ 9,70% năm 1997 xuống còn 7,86% năm 2000 và 4,17% năm 2006.

Số liệu thống kê cho thấy giá trị sản xuất ngành nông-lâm-thủy sản tăng bình quân 6,3%/ năm trong thời kỳ 1997-2006, cao hơn so với mức tăng bình quân của cả nước là 5,4%. Tuy nhiên cũng giống như tình hình chung của cả nước, Đà Nẵng với lao động nông nghiệp chiếm 13% nhưng chỉ tạo ra 4,17% GDP, đồng nghĩa với năng suất ngành nông nghiệp còn quá thấp. Đặc biệt lao động trong ngành nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) chiếm tới 83% nhưng chỉ tạo ra 30% giá trị toàn ngành nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp trong 5 năm qua hầu như không tiến thêm được bước nào, thậm chí giảm mạnh ở ngành thủy sản... Đó là dấu hiệu của sự phát triển không bền vững. Cơ cấu nông nghiệp của Đà Nẵng cho thấy sự tăng trưởng của ngành vẫn dựa chủ yếu tài nguyên như đất đai, rừng, biển, thiếu sự ổn định để chuyển sang cơ cấu hiện đại có khả năng tăng trưởng theo chiều sâu.

Cơ cấu ngành dịch vụ mặc dù giảm về tỷ trọng trong cơ cấu GDP nhưng xét

trong nội bộ ngành vẫn có sự phát triển tương đối tốt. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá dịch vụ trên địa bàn thành phố đạt 29568 tỷ đồng tăng 22,5% so với năm 2004 và 78,8% so với năm 2000. Trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ xã hội xét theo loại hình kinh tế thì kinh tế nhà nước chiếm hơn 52%, kinh tế tư nhân 47%, kinh tế tập thể và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ lệ không đáng kể (1%). Như vậy, tỷ trọng của khu vực nhà nước còn quá cao so với tỷ lệ bình quân chung cả nước là 12,4%. Mặt khác, nếu xét theo giác độ ngành kinh tế thì thương nghiệp đã chiếm tới 86,6% tổng mức lưu chuyển hàng hóa dịch vụ, trong khi đó du lịch, dịch vụ khác chỉ chiếm 1%. Có thể coi đó là sự phát triển thiếu cân đối so với tiềm năng và thế mạnh của thành phố. Nếu so sánh tỷ lệ của ngành dịch vụ/sản xuất thì tỷ lệ này ở Đà Nẵng là 45,88%/54,12% là chưa đảm bảo được sự hài hòa của quá trình phát triển.

Sự phân tích trên có thể rút ra nhận xét như sau: Nếu căn cứ vào cơ cấu 3 nhóm ngành chính thì cơ cấu kinh tế của thành phố đã đảm bảo yêu cầu về tỷ lệ giữa các nhóm ngành theo yêu cầu của phát triển bền vững song sự không bền vững là ở cơ cấu trong nội bộ các nhóm ngành xét trên phương diện cơ cấu ngành và cơ cấu thành phần kinh tế. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế tương đối chậm và chưa rõ nét, chưa có dấu hiệu của sự thay đổi căn bản, những thế mạnh kinh tế của thành phố công nghiệp – thương mại – dịch vụ chưa được thể hiện. Kinh tế nhà nước còn khá lớn, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển chưa xứng với tiềm năng.

3. Tăng trưởng trong điều kiện lạm phát tương đối cao nên chưa có tác động mạnh đến việc cải thiện và nâng cao mức sống.

Tăng trưởng kinh tế tương đối cao có tác động như thế nào tới nâng cao mức sống và thu nhập? Để đánh giá tác động này cần xem xét kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tăng GDP/người.

Bảng 4: GDP thực tế và GDP danh nghĩa bình quân đầu người

Năm	Dân số (người)	Bình quân GDP thực tế/ng (Nghìn. đ/người)	Bình quân GDP danh nghĩa/ng (Nghìn.đ/người)
2000	716282	5570	6906
2003	752439	6410	10333
2004	764549	7141	12511
2005	779019	7982	15007
2006	792895	8712	17492

Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng 2006

Từ năm 2000 đến nay tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số có xu hướng giảm dần, từ 2,71% năm 2001 xuống còn 1,37% năm 2006. Với tốc độ tăng dân số hiện nay (>1,2%) mặc dù chưa đảm bảo yêu cầu của phát triển bền vững nhưng thu nhập thực tế bình quân trên đầu người vẫn tăng khoảng 10,7% thời kỳ 2003-2006.

Bảng 5: Chỉ số giá tiêu dùng và tốc độ tăng trưởng GDP từ 1997-2006.

ĐVT: %

Năm	Tốc độ tăng trưởng GDP	Chỉ số giá tiêu dùng
1997	12,70	2,11
1998	8,80	7,30
1999	9,50	5,20
2000	9,88	1,44
2001	12,23	1,61
2002	12,56	2,11
2003	12,62	6,81
2004	13,20	8,74
2005	13,89	8,91
2006	11,08	7,38

Nguồn: Niên giám thống kê TP Đà Nẵng từ 1997-2006

Số liệu tập hợp được cho thấy tốc độ tăng GDP thực tế tăng trên khoảng 10%/năm, tốc độ tăng GDP danh nghĩa cao hơn, trên 16%/năm, tức là tăng trưởng GDP của thành phố trong tình trạng lạm phát khá cao. Chỉ số CPI liên tục tăng từ 2,11% năm 2002 lên 6,81% năm 2003; 8,74% năm 2004 và tiếp tục tăng lên 8,91 % năm 2005. Nếu so sánh tốc độ tăng GDP thực tế và tăng chỉ số CPI thì có thể thấy thu nhập thực tế tăng lên không đáng kể. Lạm phát tuy vẫn trong ngưỡng một chữ số (theo thống kê) nhưng đáng lo ngại là vẫn có xu hướng tăng thì khó có thể nâng cao được thu nhập thực tế của người dân trong khi các nhân tố tác động làm tăng giá cả hiện nay chưa thể kiểm soát hữu hiệu được. Tác động của tăng trưởng hầu như chưa làm thay đổi cơ bản được mức sống của dân cư. Điều này không chỉ phản ánh ở tư liệu thống kê mà bản thân người dân cũng cảm nhận được.

Bảng 6: Thu nhập bình quân đầu người và chênh lệch thu nhập

ĐVT: nghìn đồng

	Bình quân	Trong đó					Chênh lệch nhóm 1/5
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	
Cả nước	484,4	141,8	240,7	347,0	514,2	1182,3	8,3
Hà Nội	806,9	255,3	471,4	659,5	908,1	1739,9	6,8
Hải Phòng	539,2	180,7	281,8	363,6	502,2	1365,2	7,6
Đà Nẵng	670,2	251,0	397,1	551,8	770,9	1379,6	5,5

Bình Dương	777,9	285,3	447,5	607,2	850,5	1705,4	6,0
Đồng Nai	678,3	243,2	388,9	520,3	722,4	1513,4	6,2
Bà Rịa Vũng Tàu	661,0	205,7	325,1	473,3	657,2	1635,3	8,0
TP Hồ Chí Minh	1164,8	430,8	635,4	870,0	1219,0	2668,3	6,2

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2006

Thu nhập bình quân đầu người của Đà Nẵng cao hơn mức bình quân của cả nước và là một trong top 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu về thu nhập bình quân trên đầu người. Phân phối thành tựu của tăng trưởng cũng đã được chú ý giảm mức chênh lệch về thu nhập giữa các nhóm dân cư. Số liệu trên cho thấy Đà Nẵng có mức chênh lệch thu nhập giữa nhóm 1 và 5 là 5,5 lần, thấp hơn so với cả nước và địa phương khác. Tuy nhiên điều này chưa phản ánh đúng được hiệu quả của chính sách phân phối vì thu nhập của nhóm dân cư có thu nhập thấp và cao của Hà Nội, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh đều cao hơn nhiều so với Đà Nẵng, kể cả khoảng cách giữa các nhóm thu nhập nhưng xét tổng thể thì chênh lệch về thu nhập giữa các nhóm dân cư thì Đà Nẵng đồng đều hơn.

4. Tăng trưởng kinh tế tương đối cao nhưng năng suất, hiệu quả thấp.

Hiệu quả của tăng trưởng trước hết thể hiện ở cơ cấu đầu tư và tác động của nó tới tăng trưởng. Sự tăng trưởng GDP đã góp phần đáng kể tạo thêm nguồn vốn đầu tư cho các ngành kinh tế. Xét về quy mô, tốc độ tăng và cơ cấu nguồn vốn có thể thấy mặc dù tốc độ tăng vốn đầu tư tương đối nhanh, từ 2000-2006 tăng 3,9 lần nhưng nguồn vốn lưu động chỉ tăng 1,6 lần trong khi đó vốn xây dựng cơ bản tăng 3,4 lần. Nguồn tư liệu từ Niên giám thống kê Đà Nẵng 2006 cho thấy những bất cập về cơ cấu đầu tư và sự dịch chuyển của cơ cấu đầu tư giữa các ngành.

Bảng 7: Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn (giá hiện hành)

DVT: triệu đồng

	2000	2001	2004	2005	2006
Tổng số	2 359 132	2 527 550	6 443 751	7 328 623	9 237 094
Phân theo cấu thành					
-Xây dựng cơ bản	1 873 100	2 193 973	4 765 922	5 152 325	6 402 974
-Lưu động	342 900	109 833	96 163	533 493	562 643
-Khác	143 132	223 744	1 581 666	1 642 805	2 271 477
Phân theo nguồn vốn	2 359 132	2 527 550	6 443 751	7 328 623	9 237 094
1. Vốn trong nước	2 155 150	2 392 167	5 870 737	6 800 857	8 362 048
-Vốn NS Nhà nước	1 039 575	1 587 027	2 291 201	2 601 655	2 912 675
-Vốn tín dụng	411 888	462 975	1 672 667	2 012 109	2 351 320

-Vốn tự có	480 218	160 153	1 567 843	1 815 922	2 067 609
-Vốn khác	223 469	182 012	339 026	371 171	1 030 444
2. Vốn ngoài nước	203 982	135 383	573 014	527 766	875 046
Phân theo ngành k. tế	2 359 132	2 527 550	6 443 751	7 328 623	9 237 094
A. Nông, lâm, thủy sản	60 972	35 436	280 309	61 570	241 298
B. Công nghiệp, XD	805 583	773 870	1 752 181	2 472 802	3 198 679
C. Dịch vụ	1 492 577	1 718 244	4 411 261	4 794 251	5 797 117

Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng năm 2000-2006.

Đà Nẵng có mức đầu tư cao, chỉ có năm 2000 là có mức đầu tư chiếm trên 47% GDP, còn các năm sau mức đầu tư đều vượt trên mức 60% GDP. Vốn đầu tư thực hiện trong 10 năm đóng góp to lớn cho sự tăng trưởng kinh tế, mở rộng sản xuất, đổi mới trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến, chỉnh trang đô thị, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo... nhưng cơ cấu đầu tư đang có sự mất cân đối: đầu tư xây dựng cơ bản chiếm gần 70%, vốn lưu động chỉ chiếm 6,09%; nguồn vốn đầu tư chủ yếu là trong nước, chiếm 90,53%; vốn ngân sách và vốn tự có chiếm trên 50%; vốn tín dụng tuy tăng khá nhưng vẫn chiếm tỷ lệ thấp, khoảng 1/4 vốn đầu tư; vốn đầu tư cho dịch vụ chiếm tỷ trọng cao, trên dưới 65%. Vốn đầu tư cho công nghiệp chiếm tỷ lệ thấp, khoảng 34,6%. Điều này nói lên rằng mức đầu tư cho công nghiệp hóa còn hạn chế, đầu tư mới cho sản xuất ngày càng giảm về tỷ lệ, đầu tư xây dựng cơ bản và khu vực dịch vụ rất cao nhưng chưa phát huy được tác động tăng trưởng. Do có những thay đổi căn bản về quy hoạch khi trở thành thành phố trực thuộc trung ương, những thiệt hại do cơn bão Xangxen nên đầu tư xây dựng cơ bản phải tập trung nhiều hơn đang có những ảnh hưởng không tích cực tới hiệu quả đầu tư. Tăng trưởng hiện nay vẫn chủ yếu là tăng trưởng theo chiều rộng, tức là dựa vào việc tăng số lượng các yếu tố sản xuất. Bằng chứng để chứng tỏ điều đó là hệ số ICOR luôn có xu hướng tăng cao. Có thể xem xét tình hình này ở biểu sau:

Bảng 8: Hệ số ICOR 1996-2006.

ĐVT: lần

	1996	2000	2005	2006
Hệ số ICOR theo giá so sánh 1994	2,706	3,503	3,715	4,077
Hệ số ICOR theo giá thực tế	3,949	5,198	5,119	6,904

Nguồn: Báo cáo của Sở Kế hoạch Đầu tư Đà Nẵng năm 2006

Trong 10 năm qua hệ số ICOR tăng khá nhanh. Nếu năm 1996 đặt ở mức lý tưởng thì đến năm 2006 ở mức khá cao và có xu hướng tăng lên. Tình hình này còn được phản ánh ở sự gia tăng của chi phí trung gian. Trong cả ba khu vực kinh tế hệ số

chi phí trung gian tăng khá nhanh từ 1996 -2005, từ 47,78% lên 60,07% (tăng khoảng 26%), trong đó công nghiệp, xây dựng có hệ số chi phí trung gian rất cao (khoảng 68,52%), như vậy giá trị tăng thêm (VA) trong GO chiếm tỷ lệ thấp và giảm dần so với tốc độ tăng GO.

Năng suất lao động là một trong những chỉ tiêu quan trọng phản ánh chất lượng tăng trưởng.

Bảng 9: Năng suất lao động (GO theo giá 1994/người)

ĐVT: 1000 đồng/người

	Năng suất lao động				Tốc độ tăng NSLĐ (%)		
	1996	2000	2005	2006	1997-2000	2001-2006	1997-2006
Tổng số	20.478	28.237	53.703	57.073	8,36	12,45	10,80
Nông-lâm-thủy sản	5.677	7.027	9.55	10.143	5,48	6,31	5,97
Công nghiệp-XD	33.520	50.263	89.943	96.421	10,66	11,85	11,37
Dịch vụ	23.459	25.675	44.185	41.383	2,28	8,28	5,84

Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng 2006

Trong vòng 10 năm qua, năng suất lao động tăng bình quân 10%/năm trong đó giai đoạn 2001-2006 năng suất tăng tốt hơn so với thời kỳ 1997-2000. Trong ba khu vực kinh tế, công nghiệp, xây dựng có năng suất lao động cao nhất và dẫn đầu về tốc độ tăng năng suất lao động; dịch vụ vẫn là khu vực khá trì trệ với mức tăng năng suất lao động trong cả thời kỳ chỉ xấp xỉ với mức tăng năng suất của khu vực nông nghiệp.

So với mức năng suất lao động trung bình của cả nước, Đà Nẵng có mức năng suất cao hơn: nông lâm thủy sản cao hơn 1,52 lần, công nghiệp xây dựng 1,7 lần và dịch vụ 1,2 lần. Dấu hiệu của sự phát triển thiếu bền vững biểu hiện rõ nhất là ở sự phát triển chậm tương đối của khu vực dịch vụ. Trong 10 năm qua khu vực dịch vụ chỉ tăng được gần gấp đôi năng suất lao động trong khi đó khu vực công nghiệp tăng gần gấp 3 lần. Sự phát triển này chưa tương xứng với tiềm năng và định hướng phát triển theo quy hoạch của thành phố.

Nhìn chung sự tăng trưởng kinh tế của Đà Nẵng đã có những tác động tích cực tới phát triển bộ mặt của thành phố, góp phần đáng kể vào phát triển kinh tế xã hội nhưng những phân tích trên cũng cho thấy còn khá nhiều vấn đề cần phải giải quyết, có thể rút ra mấy vấn đề:

Một là, tốc độ tăng trưởng tuy tương đối cao, khá ổn định nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững, thành phố cần phải tích cực xây dựng và thực thi các giải pháp để đạt được tốc độ cao hơn nữa mới có thể tạo được sự thay đổi có tính cơ bản và đột phá.

Hai là, cơ cấu đầu tư chưa hài hòa giữa các khu vực do đó chưa thật sự thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách tích cực hơn. Thực tiễn này đòi hỏi phải có sự điều

chính kịp thời để tránh rơi vào mất cân đối trầm trọng trong tương lai.

Ba là, chất lượng của tăng trưởng còn thấp và kém hiệu quả, chủ yếu dựa vào tăng trưởng chiều rộng tức là dựa vào tăng thêm số lượng các yếu tố sản xuất, khai thác tài nguyên đất đai; yếu tố tri thức, khoa học công nghệ chưa đóng góp nhiều cho tăng trưởng; các ngành mũi nhọn chưa phát huy được vai trò thúc đẩy tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng. Nói cách khác tăng trưởng kinh tế chưa đảm bảo được các yêu cầu của phát triển bền vững. Muốn thay đổi được điều này phải thực hiện đồng bộ hàng loạt những biện pháp về kinh tế, tài chính, thị trường, khoa học công nghệ, lao động...

Những nhận xét trên đây thực chất không phải là sự phê phán mà chỉ mang tính gợi mở. Mong rằng những ý kiến có thể chưa thật sự có sự thuyết phục của người viết sẽ được sự lưu tâm của các nhà quản lý và hoạch định chính sách thành phố Đà Nẵng, vì sự phát triển bền vững của thành phố.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam* (Chương trình Nghị sự 21 Việt Nam).
- [2] *Kỷ yếu Kỳ họp thứ 4,5,6 và 7 Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa VII, nhiệm kỳ 2004-2009.*
- [3] Lê Thạc Cán (12-2004), Phát triển nông thôn bền vững. *Kỷ yếu Hội nghị phát triển bền vững lần thứ nhất.*
- [4] Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng 1999-2006
- [5] Niên giám thống kê Việt Nam 2006.
- [6] *Quan niệm và thực tiễn phát triển kinh tế xã hội tốc độ nhanh, bền vững, chất lượng cao ở Việt Nam* (T.S Đinh Văn Ân chủ biên. NXB Thống kê Hà Nội, 2005)
- [7] [Http://www.danang.gov.vn/](http://www.danang.gov.vn/)
- [8] [Http://www.wikipedia](http://www.wikipedia).
- [9] CIEM-FES (2004), “*Kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội bền vững ở Việt Nam*”, Thông tin chuyên đề số 6.